

EASY MAX

EASYMAX

goài ch Đ ố , đặc biệ ợ t **dành cho giày an toàn và giày quá** kh ổ

Bọ c giày EASY MAX SR và độ bám Tiger Grip dành cho b è Ch ứ một gi ấ và **toàn** bằn g n ồi hấp .

Những vật liệu cao cấp hơn	Cao su (NBR)
lót bên trong	SAU ĐÓ
trong Đ	SAU ĐÓ
iữa đế g	SAU ĐÓ
ngoài Đ	Cao su (NBR)
u Đứng đầ	SAU ĐÓ
i Loạ	SR, FO
Phạm vi kích thước	EU S35-37-Y46-48
ng lượng thép	0.200 kg
ẩn hóa u chu	CTC Expert statement according to the CTC CE C 002_c evaluat
chứng nhận	UKCA Certificate (UK Conformity Assessed) For Footwear CTC Expert statement according to the CTC CE C 002_c evaluat DCTU OVERSHOE (Ukraine)



GRY



Tiger Grip công nghệ
i cũng ha Tiger Grip n ng ài n và
ể cả bề mặ v ết v **bám** ẳng. Chúng được
làm từ hợp chất **cao su** và có các
hoa văn cũng như đường rãnh cụ
i thể để **bám** và độ ổn định.



hấp tiệt **trùng**
Có thể tiệt **trùng** trong nồi hấp.



(SR)
dầy SR có nghĩa là phép thử
dính xà phòng và dầ

Công nghiệp n:

ạch , Hóa h ọ c , Thự ồ cuố phẩm m & g thuộ c v ề y h ọ c

ường: **Môi** t

Bề mặt cự c mị n , Có t u yế t và băng giá

Cac hương dân ba#o tri:

éo dài t Đ giày, chúng tôi khuyên bạn nên v ệ sinh giày thư ờn g xuyên và bảo v ệ chúng bằ phẳ cách hà nhiệ Không trên lò s

K

	Sự miêu t ả	ế t ả	ơn vị u	đo l Đ ờn g q
goài	Đ **Cao su (NBR)**			
	Ch ố mài mòn (ngoài (	? 150	144	mm
	Chư ố trơ gót bản - Ceramic + NaLS - Trư ợt gót v ề phía t	? 0.31	0.55	ma sát
	rư ợt có bảng t G ố m + NaLS - Trư ợt lùi v ề phía t	? 0.36	0.53	ma sát
	rư ợt SR - G t m + Glycerin - Trư ợt gót phía t	? 0.19	0.38	ma sát
	Chư ố trơ SR - G ố m + Glycerin - Trư ợt v ề phía t	? 0.22	0.37	ma sát
	rị ch ố Giá t tĩnh điệ n	0.1 - 1000	372	megaohm
	rị ESD Giá t	0.1 - 100	N/A	megaohm
	Hấp thụ năng l gót chân củ	? 20	N/A	J
	Đ ướ n g đã **SAU ĐÓ**			
	Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g cách sau va đập 100J)	N/A	N/A	mm
	Mũi bảo h ộ ch ố n g nén (kh oản g h ở sau khi nén 10kN)	N/A	N/A	mm
	Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g cách sau va đập 200J)	N/A	N/A	mm
	Mũi giày an toàn ch ố n g nén (kh oản g h ở sau khi nén 15kN)	N/A	N/A	mm

kích thước thép: 42

a chú Giày tôi Khuyến có t ể thay và nhãn hiệu Safety Jogger đã được đăng ký và không được sao chép dưới dạng nào mà không có sự đồng ý bằng văn bản của chú

hân sinh thái:

Đ g

	Sự miêu t ả	ế t ả	ơn vị u	đo l Đ ờn g q
i **CO phát** thả				
	V ật l iệu		1.13	kg
	Bao bì		0.04	kg
	ất Sản x u		1.90	kg
	Chuyên ch ở		0.26	kg
				3.33 kg CO2/ cặp

	Sự miêu t ả	ế t ả	K u	q
ệ vật l	Tiệ **tái** ch ế			
	Product		0%	
	Bao bì		74%	

Tính toán CO2:

rị được làm tròn đến hai chữ số thập phân.

Các phân tích này được thực hiện bằng các công cụ tính toán [illegible] thay đổi.

Hướng dẫn **kích** thước:

Sizes	S			M			L		XL			XXL		
EU	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48
UK	3	3,5	4	5	6	6,5	7	8	9	10	10,5	11	12	13
US Woman	5,5	6	6,5	7,5	8	9	9,5	10,5	10,5+					
US Men				5,5	6,5	7,5	8	9	10	10,5	11,5	12	13	13,5
JPN	21,5	22,5	23	24	25	25,5	26	26,5	27	28	29	30	31	31,5
KOR	230	235	240	250	255	260	265	270	280	285	295	300	310	315